

# VỐN XÃ HỘI CHO SỰ PHÁT TRIỂN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

NGUYỄN ĐỨC CHIẾN \*

**Tóm tắt:** Vốn xã hội là thành tố đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển thịnh vượng của mỗi quốc gia. Việt Nam có lịch sử lâu đời, có nguồn vốn xã hội phong phú được tích lũy qua nhiều thế hệ. Nguồn vốn xã hội này đã giúp dân tộc Việt Nam không bị đồng hóa và chiến thắng các thế lực bên ngoài; hiện nay đang tiếp tục đóng góp tích cực vào quá trình phát triển. Bài viết phân tích nguồn vốn xã hội, phát hiện điểm mạnh và điểm yếu của nó, đề xuất giải pháp xã hội nhằm phát huy nguồn vốn xã hội của toàn dân tộc cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững đất nước.

**Từ khóa:** vốn xã hội, phát triển.

## Đặt vấn đề

Vốn xã hội là một thành tố đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển thịnh vượng của mỗi quốc gia. Nhiều quốc gia trên thế giới (các quốc gia phương Tây và một số quốc gia ở Châu Á như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc) trong những thập kỷ vừa qua sở dĩ là do Chính phủ các quốc gia này đã đánh giá và xác định đúng đặc điểm của vốn xã hội, tìm hiểu ưu thế và thiếu hụt của nó, trên cơ sở đó, sử dụng nó một cách có hiệu quả phục vụ cho quá trình phát triển xã hội.

Ở Việt Nam, vốn xã hội cũng đã được quan tâm xem xét và đánh giá toàn diện ngay từ những ngày đầu cách mạng. Vốn xã hội đã được khai thác, huy động hiệu quả nên dẫn đến thành công của Cách mạng tháng Tám năm 1945. Vốn xã hội của dân tộc tiếp tục

được phát huy một cách có hiệu quả trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống Mỹ cứu nước ở miền Nam. Trong thời kỳ này, Đảng và Nhà nước ta nhận thức rất sâu sắc về sức mạnh nguồn vốn toàn xã hội, đã phát động nhiều phong trào xã hội nhằm khơi dậy và kích thích vốn xã hội phục vụ cho sự nghiệp xây dựng và thống nhất đất nước. Có thể khẳng định rằng, sự đánh giá chính xác đặc điểm nguồn vốn của toàn xã hội lúc bấy giờ, sử dụng và huy động nó một cách hiệu quả đã giúp Việt Nam giải phóng miền Nam thống nhất đất nước năm 1975.

Nguồn vốn xã hội của quốc gia một lần nữa được đánh giá lại, sử dụng hiệu

---

(\*) Tiến sĩ, Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

quả hơn trong điều kiện và bối cảnh đất nước Đổi mới. Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI (1986) đánh dấu thời kỳ Việt Nam cải tổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, trong đó có vốn xã hội. Rất nhiều nguồn vốn xã hội không được đánh giá đúng, không được huy động tham gia vào quá trình phát triển ở giai đoạn kinh tế kế hoạch hóa quan liêu bao cấp đã được xem xét và kêu gọi tham gia trong thời kỳ đổi mới. Điều này góp phần mang lại những thay đổi nhanh chóng trên mọi mặt của đời sống xã hội Việt Nam. Tuy nhiên, nếu đánh giá toàn diện thì nhiều đặc điểm của vốn xã hội, ưu điểm và hạn chế của nó vẫn chưa được hiểu đúng. Chính vì vậy, việc tìm hiểu và đánh giá đúng đặc điểm của nguồn vốn xã hội, phát hiện điểm mạnh và điểm yếu của nó sẽ rất hữu ích cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, nhanh chóng hoàn thành mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

### **1. Khái niệm và đặc điểm chung về vốn xã hội của Việt Nam**

Vốn xã hội là một thuật ngữ được đề cập nhiều trong giới khoa học xã hội (Kinh tế học, Chính trị học, và Xã hội học) phương Tây từ những thập niên đầu thế kỷ XX trong bối cảnh kinh tế các quốc gia này bùng phát mạnh mẽ. Mặc dù thuật ngữ này được bàn luận sôi nổi từ nhiều hướng tiếp cận khác nhau, nhưng cho đến nay, dường như giới học thuật quốc tế vẫn chưa đi đến một định

nghĩa thống nhất. Ở Việt Nam, thuật ngữ vốn xã hội được giới khoa học xã hội nhắc đến khoảng một thập kỷ gần đây từ nhiều hướng tiếp cận khác nhau. Trong bài viết này, chúng tôi không có ý định bao quát khái niệm vốn xã hội theo các góc nhìn nêu trên, mà chỉ giới hạn nội dung trình bày vốn xã hội theo quan điểm các nhà xã hội học; qua đó nhận diện đặc điểm chung về vốn xã hội của Việt Nam.

#### **1.1. Khái niệm vốn xã hội**

Khái niệm “vốn xã hội” xuất hiện vào những thập niên đầu thế kỷ XX trong công trình của nhà giáo dục người Mỹ Lyda Judson Hanifan<sup>(1)</sup>. Thuật ngữ này thu hút sự quan tâm và bàn luận sôi nổi của giới xã hội học phương Tây trong khoảng ba thập kỷ gần đây.

Vào đầu những năm 1980, trong công trình “The Forms of Capital”, Pierre Bourdieu là nhà xã hội học, nhân học người Pháp đã phát triển khái niệm “vốn” hay “tư bản” (*capital*) của lĩnh vực kinh tế vào lĩnh vực Xã hội học để phân tích quá trình lưu thông của các loại tài sản khác nhau trong không gian xã hội. Ngoài vốn kinh tế, Bourdieu còn phân biệt ba loại vốn nữa là vốn văn hóa, vốn xã hội và vốn biểu tượng. Qua việc phân loại vốn, Bourdieu đi đến định nghĩa về vốn xã hội. Theo ông, vốn xã

---

<sup>(1)</sup> Giddens, Anthony (1996), *Social Theory and Modern Sociology*, Stanford, Stanford University Press.

hội là một “mạng lưới lâu bền bao gồm các mối liên hệ quen biết nhau và nhận ra nhau, những mối liên hệ này ít nhiều đã được định chế hóa”. Bourdieu cho rằng, “khối lượng vốn xã hội của một cá nhân cụ thể nào đó phụ thuộc vào mức độ liên hệ rộng hay hẹp mà anh ta có thể huy động được trong thực tế và vào khối lượng vốn (vốn kinh tế, vốn văn hóa hay vốn biểu tượng) của từng người mà anh ta có liên hệ.” Bourdieu quan niệm các loại vốn nói trên có thể chuyển hóa lẫn nhau<sup>(2)</sup>.

Theo cách nhìn của Pierre Bourdieu, vốn xã hội là một thuộc tính của mỗi cá nhân trong xã hội và bất cứ ai cũng có thể khai thác nhằm đem lại các lợi ích kinh tế thông thường. Vốn xã hội của một cá nhân chính là mối quan hệ, danh tiếng của cá nhân đó trong xã hội và thực chất là mạng lưới xã hội của cá nhân đó, trong các chiều cạnh quan hệ của một cá nhân. Theo nghĩa này, bất cứ ai có mạng lưới quen biết (trực tiếp hay gián tiếp) lớn sẽ có nhiều cơ hội trong việc tìm kiếm và khẳng định vị thế hoặc vị trí của họ trong xã hội. Bourdieu cho rằng, mỗi cá nhân là sản phẩm của lịch sử, của giai cấp; họ có những bất lợi và lợi thế mà mạng lưới của họ mang lại. Cá nhân có thể tạo thêm vốn xã hội để chuyển hoá thành vốn kinh tế. Chính việc thiếu vốn xã hội là nguyên nhân để một cá nhân chịu sự chênh lệch với cá nhân khác trong xã hội.

Vốn xã hội tiếp tục được James

Coleman, nhà xã hội học người Mỹ quan tâm bàn luận cuối những năm 1980. James Coleman đã định nghĩa về vốn xã hội khác với quan điểm của Bourdieu. Theo Coleman, “vốn xã hội bao gồm những đặc trưng trong đời sống xã hội như sau: các mạng lưới xã hội, các chuẩn mực và sự tin cậy trong xã hội – là những cái giúp cho các thành viên có thể hành động chung với nhau một cách có hiệu quả nhằm đạt tới những mục tiêu chung”<sup>(3)</sup>.

Trong quan niệm của Coleman, vốn xã hội về cơ bản là lòng tin của con người đối với nhau trong giai tầng của họ. Nó được biểu hiện ra là những chuẩn mực hành vi, ứng xử của các cá nhân trong cộng đồng hoặc giai cấp mà họ là thành viên và kèm theo đó là sự trừng phạt khi cá nhân vi phạm những chuẩn mực. Coleman đã phân biệt vốn xã hội trong cộng đồng và trong gia đình. Theo ông, vốn xã hội trong gia đình được biểu hiện dưới hình thức của sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau của các thành viên trong gia đình; tương tự như vậy, vốn xã hội trong cộng đồng là mối liên hệ quan tâm, tin cậy, chia sẻ giữa những nhóm xã hội và các thiết chế xã

---

<sup>(2)</sup> Bourdieu, Pierre (1986), “The Forms of Capital”, *In Hand book of Theory and Research for the Sociology of Education* (John Richardson, Edited), New York: Greenwood Press.

<sup>(3)</sup> Coleman, James (1988), “Social capital in the Creation of human capital”, *American Journal of Sociology* 44.

hội. Trên thực tế, vốn xã hội trong gia đình và xã hội được đặt trên nền tảng cụ thể của sự tin cậy của con người trong xã hội. Như vậy, vốn xã hội trong gia đình chỉ có thể có được và được tích lũy khi các thành viên trong gia đình thực sự chia sẻ và quan tâm đến nhau. Theo đó, có thể có một gia đình rất giàu vốn tài chính nhưng lại nghèo vốn xã hội nếu không có sự quan tâm, chia sẻ và tin cậy lẫn nhau giữa các thành viên trong gia đình. Cũng với quan điểm tương tự, việc các thành viên trong nhóm xã hội với nhau có sự tin tưởng và chia sẻ, vốn xã hội của cộng đồng mới có thể phong phú lên. Coleman cũng có quan điểm giống như Bourdieu khi coi vốn xã hội có thể là cụ thể hoặc tiềm ẩn, có thể chuyển hoá sang vốn kinh tế (có tính chất hàng hoá công) và có thể được tăng thêm do sự nỗ lực của cá nhân.

Qua tìm hiểu quan niệm của hai nhà xã hội học tiêu biểu phương Tây về khái niệm vốn xã hội chúng ta thấy rằng, cả Bourdieu và Coleman đều nhìn vốn xã hội như mạng lưới xã hội và ở đó đề cao sự tin cậy, chia sẻ giữa các cá nhân trong các nhóm như gia đình, cộng đồng. Nguồn vốn xã hội bao hàm trong nó cả những mặt tốt và những mặt xấu. Do đó, nó cũng có thể thúc đẩy tốt hoặc có những kìm hãm nhất định đối với sự phát triển. Các nhà xã hội học cũng cho rằng, thực tế có các cách định nghĩa khác nhau về vốn xã hội. Nhưng tựu trung, vốn xã hội thường được định

nghĩa xoay quanh ba yếu tố có liên hệ mật thiết với nhau: khả năng làm việc chung với nhau; sự tin cậy giữa con người với nhau; các mạng lưới xã hội<sup>(4)</sup>. Tuy nhiên, có một điểm khác biệt giữa hai quan điểm vừa nêu là: trong khi Bourdieu nhấn mạnh tới vốn xã hội với tư cách là một thứ tài sản mà mỗi cá nhân có thể có được, thì Coleman lại nhìn vốn xã hội như là một thứ tài sản chung của một cộng đồng hay một xã hội nào đó.

Trong hai quan niệm về vốn xã hội vừa nêu, chúng tôi thấy cách nhìn của Coleman dễ hiểu hơn vì cách tiếp cận này nhấn mạnh yếu tố *chuẩn mực/khuôn mẫu* của vốn xã hội. Điều quan trọng ở chỗ, những chỉ số và yếu tố xã hội này sẽ giúp chúng ta dễ dàng định lượng, kiểm định các loại hình vốn xã hội tồn tại trong các xã hội. Coleman có xu hướng thiên về cách định nghĩa vốn xã hội theo hướng *tích cực* và chú ý tới *tính hiệu quả* của nó trong việc thúc đẩy khả năng hợp tác và tham gia vào các hoạt động xã hội, cũng như trong quá trình phát triển kinh tế. Chính vì thế mà nhiều công trình điều tra về vốn xã hội dựa trên định nghĩa này đã đi đến những nhận định theo khuynh hướng *định lượng hóa* (chẳng hạn nhiều hay ít, mạnh hay yếu).

<sup>(4)</sup> Lene Hjollund, Martin Paldam, Gert Tinggaard Svendsen (2001), "Social capital in Russia and Denmark: A comparative study" [www.gov.si/zmar/conference/2001/pdf-konf/17-paldam.pdf](http://www.gov.si/zmar/conference/2001/pdf-konf/17-paldam.pdf).

Để làm rõ đặc trưng nổi bật vốn xã hội của Việt Nam, ý nghĩa của nó đối với sự phát triển đất nước hiện nay, trong phần trình bày dưới đây, chúng tôi sẽ tìm hiểu và phân tích các loại hình vốn xã hội đang tồn tại trong các nhóm, cộng đồng ở nước ta theo quan điểm của Coleman.

### **1.2. Đặc điểm chung về vốn xã hội của Việt Nam**

Nếu căn cứ vào đặc tính chung của vốn xã hội và khái niệm vốn xã hội của Coleman: chúng ta có thể nhận thấy rõ đặc điểm của vốn xã hội Việt Nam hiện nay, một nguồn vốn xã hội phong phú được tích lũy qua lịch sử nhiều thế hệ người Việt. Nguồn vốn xã hội này là các mạng lưới xã hội, tồn tại dựa trên khuôn mẫu/chuẩn mực và sự tin cậy giữa các cá nhân. Thực tế mạng lưới xã hội này tồn tại đa dạng trong các quan hệ gia đình, cộng đồng và ngoài xã hội với nhiều cấp độ, loại hình khác nhau.

#### *Gia đình*

Mạng lưới quan hệ gia đình được xem là một loại hình vốn xã hội cơ bản trong xã hội Việt Nam. Từ khi Đổi mới đến nay, loại hình vốn xã hội này đang được huy động tối đa vào việc phát triển sản xuất mở rộng kinh doanh, di cư và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cũng như đối phó với những rủi ro trong cuộc sống. Điều này đã được nhiều nghiên cứu gần đây kiểm chứng. Chẳng hạn, nghiên cứu của Appold và các tác giả khác (1995) chỉ ra vai trò của gia đình

trong việc giúp đỡ vốn để khởi nghiệp kinh doanh, sản xuất nhỏ ở Hà Nội. Hay các nghiên cứu của Đặng Nguyên Anh (1997), đã chỉ ra vai trò của các quan hệ gia đình và người người thân trong việc quyết định di chuyển của những người di cư. Lê Bạch Dương và Khuất Thu Hồng (2008) trong một nghiên cứu khác cũng đề cập đến mạng lưới xã hội trong di cư, các tác giả nhấn mạnh mạng lưới xã hội cung cấp cơ sở để các hộ gia đình thực hiện các chuyến di cư, cung cấp “vốn xã hội” không chỉ là tiền, mà còn là những hỗ trợ ban đầu, nguồn thông tin cũng như những giúp đỡ trực tiếp khác như về tinh thần, tình cảm giúp người di cư tìm được cơ hội và đối phó được nhiều rủi ro, thách thức.

#### *Dòng họ*

Nhiều tài liệu nghiên cứu cho rằng, gia đình Việt Nam nằm trong mạng lưới dòng họ và dòng họ là một gia đình mở rộng với một mạng lưới gia đình con tập hợp trên một địa vực nhất định<sup>(5)</sup>. “Họ và làng chồng lên nhau, quan hệ huyết thống và quan hệ địa vực chồng lên nhau”<sup>(6)</sup>. Các nghiên cứu cũng cho thấy, trong lịch sử và hiện nay, mạng lưới quan hệ dòng họ có vai trò rất lớn trong đời sống kinh tế - xã hội của cá nhân, gia đình và cộng đồng. Sự liên kết,

<sup>(5)</sup> Mai Văn Hai (2000), *Quan hệ Dòng họ ở châu thổ sông Hồng*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 24.

<sup>(6)</sup> Bùi Quang Dũng (2007), *Xã hội học nông thôn*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 152.

tương trợ lẫn nhau trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh, tự quản cộng đồng và các công việc quan trọng khác của mỗi cá nhân và gia đình như xây dựng nhà cửa, hiếu hỷ, v.v.. Có thể thấy, các nghiên cứu đó đã chỉ rõ vốn xã hội trong nhóm gia đình, dòng họ, cụ thể là mạng lưới xã hội trong quan hệ gia đình và dòng họ.

*Mạng lưới xã hội gồm các nhóm, hội, đoàn trong cộng đồng – làng xã*

Nhiều học giả khẳng định rằng, cộng đồng làng xã Việt Nam, nhất là ở đồng bằng Bắc Bộ là một phức hợp các quan hệ kinh tế, xã hội vào loại phức tạp nhất thế giới<sup>(7)</sup>. Mạng lưới quan hệ xã hội này kết hợp với nhau trong một chỉnh thể đa dạng. Nó được các nhà nghiên cứu gọi là mạng lưới xã hội phi chính thức/ không chính thức trong các cộng đồng làng xã Việt Nam. Mạng lưới xã hội này chứa đựng trong nó các loại quan hệ: quan hệ theo địa vực như xóm, ngõ, tổ liên gia; quan hệ nghề nghiệp như phường nghề, hội nghề; quan hệ tín ngưỡng như hội chùa, hội đền; quan hệ theo lớp tuổi như giáp, hội đồng niên, v.v..<sup>(8)</sup> Quan hệ giáo dục có hội đồng môn, đồng học; quan hệ quân đội có hội đồng ngũ; quan hệ theo sở thích như hội bóng chuyền, cầu lông, bóng bàn, sinh vật cảnh,... Mạng lưới xã hội phi chính thức này tồn tại và hoạt động dựa trên một khuôn mẫu/chuẩn mực/giá trị mong đợi của nhóm. Khuôn mẫu/chuẩn mực/

giá trị xã hội này có thể là thành văn hoặc bất thành văn được các cá nhân, nhóm và cộng đồng xã hội cùng chia sẻ, chấp nhận. Thực tế cho thấy, những chuẩn mực/giá trị xã hội này là chất keo dính tạo nên sự liên kết, gắn bó chặt chẽ giữa các cá nhân trong đời sống xã hội. Các hội, đoàn và các câu lạc bộ này được xây dựng và thành lập mang tính tự nguyện liên kết giữa các thành viên trong cộng đồng nhằm hỗ trợ, chia sẻ lẫn nhau giữa các thành viên<sup>(9)</sup>. Mặc dù được xem là mạng lưới quan hệ xã hội không chính thức, nhưng thực tế, hệ thống mạng lưới xã hội này đang thu hút sự tham gia tích cực của các cá nhân và hoạt động của nó tạo sự chia sẻ, liên kết chặt chẽ giữa các thành viên và trở thành mối quan hệ xã hội không thể thiếu đối với cá nhân trong cộng đồng. Sự nảy sinh và tồn tại mạng lưới quan hệ xã hội này là yêu cầu thực tế của sự phát triển kinh tế, xã hội. Hơn nữa, mạng lưới xã hội này là công cụ hữu

<sup>(7)</sup> Phan Đại Doãn (2004), *Máy vấn đề về văn hóa làng xã Việt Nam trong lịch sử*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 74.

<sup>(8)</sup> Nguyễn Từ Chi (2003), *Góp phần nghiên cứu văn hóa và tộc người*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, tr. 224-257.

<sup>(9)</sup> Bé Quỳnh Nga và cộng sự (2008), *Vai trò của các mạng lưới xã hội trong việc tiếp cận các dịch vụ tài chính và đối phó với các rủi ro cho các hộ nông dân* (Khảo sát tại xã Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội), Đề tài cấp Viện Xã hội học, Hà Nội, tr. 17.

hiệu để duy trì tính gắn bó, đoàn kết giữa các cá nhân, nhóm trong các cộng đồng - làng xã hiện nay.

Trong nghiên cứu của Bế Quỳnh Nga và cộng sự (2007, 2008) tại một số xã ở đồng bằng sông Hồng đã cho thấy vai trò của các mạng lưới xã hội ở nông thôn trong việc cung cấp các dịch vụ tài chính nhằm giảm thiểu rủi ro và cải thiện sinh kế cho các nhóm hộ gia đình. Nghiên cứu của Bùi Quang Dũng và Đặng Thị Việt Phương (2008) cũng trả lời câu hỏi tại sao người dân nông thôn tham gia vào các tổ chức tự nguyện gồm các hội nghề nghiệp, hội theo sở thích, hội theo nhóm tuổi, v.v.. Nghiên cứu này cũng chỉ ra các hội này được xây dựng và thành lập mang tính tự nguyện, liên kết giữa các thành viên trong cộng đồng nhằm hỗ trợ, chia sẻ lẫn nhau.

#### *Mạng lưới xã hội chính thức*

Đây là mạng lưới quan hệ xã hội theo hệ thống Đảng, Nhà nước, các đoàn thể từ trên xuống dưới (Trung ương, tỉnh/thành phố, quận/huyện, phường/xã, thôn/xóm). Các mạng lưới xã hội chính thức hoạt động đều dựa trên một nguyên tắc chung của xã hội. Những nguyên tắc này được cụ thể hóa trong các văn bản pháp luật của Nhà nước. Thực tế cho thấy, sự gắn bó chặt chẽ giữa các cá nhân, thành phần trong các mạng lưới xã hội chính thức tạo nên sự đồng thuận của toàn xã hội. Từ đó tạo sức mạnh của toàn xã hội trong các hoạt động phát

triển văn hóa, kinh tế, xã hội ở các cộng đồng hiện nay.

#### *Mạng lưới tổ chức xã hội khác*

Mạng lưới tổ chức xã hội khác là các loại hình doanh nghiệp; các tổ chức tôn giáo,... Các tổ chức xã hội này hoạt động dựa trên hệ thống pháp luật và chuẩn mực/giá trị của nhóm xã hội. Đó cũng là chất keo dính tạo lên sự gắn bó chặt chẽ giữa các cá nhân trong đời sống xã hội.

Việc nhận diện mạng lưới xã hội chính thức và phi chính thức cho thấy, nguồn vốn xã hội trong đất nước Việt Nam đa dạng và phong phú. Nếu dân tộc ta không có nguồn vốn xã hội giàu có, thì đất nước và con người Việt Nam có lẽ đã bị đồng hóa hay biến mất giữa những thế lực xâm lăng cường bạo đến từ mọi phía trong hàng nghìn năm qua và Việt Nam cũng không thể vững vàng hội nhập sâu rộng với thế giới như ngày nay. Tuy nhiên, nếu nhìn vào thực tiễn đất nước hiện nay so với thế giới, đặc biệt là so sánh với các nước láng giềng trong khu vực, chúng ta thấy nhiều vấn đề liên quan đến vốn xã hội chưa được phát huy hết hoặc có những nguồn vốn có nguy cơ mai một trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

## **2. Một số nhận xét về nguồn vốn xã hội cho sự phát triển của Việt Nam**

Qua việc tìm hiểu đặc điểm nguồn vốn xã hội, chúng tôi cho rằng, nguồn vốn xã hội được xem như là sức mạnh

tinh thần của xã hội. Đây là thành tố cơ bản có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của một xã hội. Nguồn vốn xã hội không được phát huy sẽ dẫn đến sự kết dính xã hội yếu và trì trệ, xã hội không phát triển. Sự phát triển kinh tế của một vùng nào đó thường đi song song với sự cải thiện đời sống vật chất và tinh thần. Nhưng vùng đất giàu có về vật chất thuần túy mà thiếu vắng tinh thần/vốn xã hội thì sự phồn thịnh trở nên mong manh. Giới khoa học cảnh báo rằng, hiện tượng này đang xuất hiện và tồn tại ở các nền kinh tế đang nổi, các quốc gia đang phát triển. Để khai thác và phát huy nguồn vốn cho sự phát triển của Việt Nam hiện nay và trong tương lai, chúng ta cần quan tâm thực hiện những việc sau đây:

*Thứ nhất*, cần có sự đồng thuận về khái niệm vốn xã hội thống nhất, phù hợp với đặc trưng dân tộc, đất nước. Phải tìm hiểu và nhận diện về một nguồn vốn xã hội chung nhất cho đất nước, phù hợp với điều kiện hoàn cảnh Việt Nam; đó là tình đoàn kết dân tộc, tình yêu quê hương, đất nước, v.v.. Bên cạnh đó, nguồn vốn xã hội Việt Nam phải đảm bảo tính tương thích với thể giới, để hội nhập và huy động được các nguồn vốn xã hội và các loại hình vốn khác của thể giới phục vụ cho sự phát triển của Việt Nam.

*Thứ hai*, cần nhận thức rõ rằng, điểm mạnh của nguồn vốn xã hội Việt Nam là

có một hệ thống các giá trị tạo nên sự gắn bó liên kết và sức mạnh mang tính cộng đồng (đó là các giá trị nhân văn của “tình làng, nghĩa xóm”; đại đoàn kết toàn dân; các quan hệ phường, hội,...); nhưng nguồn vốn xã hội này cũng có tính hai mặt (có thể hướng đến sự phát triển hoặc thiên về tính bảo tồn, kìm hãm phát triển; có thể làm hài hoà lợi ích của mọi thành viên trong cộng đồng, cũng có thể tạo nên xung đột giữa các cộng đồng, giữa cộng đồng lớn với cộng đồng nhỏ; tính ích kỷ cá nhân tăng lên). Trên thực tế thời gian qua có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến nguồn vốn xã hội của Việt Nam. Đó là: sự xuống cấp của đạo đức xã hội, thượng tôn các giá trị vật chất, sự giảm lòng tin của nhân dân, nạn tham nhũng, lãng phí, bè phái, sự xuống cấp nghiêm trọng của nền giáo dục...

*Thứ ba*, cần chống lại sự vi phạm, làm tổn hại nguồn vốn xã hội trong cộng đồng; cần không ngừng phát huy, phát triển nguồn vốn xã hội này phù hợp với nguồn vốn xã hội bên ngoài; quan tâm và phát triển giáo dục nhân cách con người, coi đó là biện pháp căn bản nhất để giải quyết những tồn tại nêu trên; từ đó xây dựng và huy động sức mạnh của toàn dân. Quan tâm, nuôi dưỡng và phát huy những nguồn vốn xã hội trong những cộng đồng có vai trò quan trọng trong việc xây dựng và phát triển đất nước, tạo nền tảng và những đột phá để phát triển vốn xã hội Việt Nam.



